

UNIT 5: FOOD AND DRINKS

Lesson 1

Word	Transcription	Meaning
flour (n)	/ˈflaʊər/	bột (mì, ngũ cốc)
gram (n)	/græm/	gam
lemon (n)	/ˈlɛmən/	quả chanh
milliliter (n)	/ˈmɪlɪˌlɪtər/	mi-li-lít
onion (n)	/ˈʌnjən/	củ hành
spaghetti (n)	/spəˈɡɛti/	mì ống
tablespoon (n)	/ˈteɪbəlˌspun/	thìa (muỗng) canh thìa
teaspoon (n)	/ˈtiˌspun/	(muỗng) cà phê
tomato (n)	/təˈmeɪˌtoʊ/	cà chua

Lesson 2

Word	Transcription	Meaning
bag (n)	/bæg/	túi, giỏ
bottle (n)	/ˈbɒtəl/	chai, lọ
box (n)	/bɒks/	hộp, thùng
bunch (n)	/bʌnʃ/	bó, buồng, chùm
can (n)	/kæn/	lon, lọ
carton (n)	/ˈkɑːtən/	hộp bằng bìa cứng

container (n)	/kən'teɪnər/	vật chứa
groceries (n)	/'groʊsərɪz/	thực phẩm và đồ dùng gia đình
stick (n)	/stɪk/	thanh, thỏi (kẹo, sô cô la)

Lesson 3

Word	Transcription	Meaning
Barbecue [n]	/'bɑːbɪ,kju/	vỉ nướng, buổi nướng
Chef [n]	/ʃɛf/	đầu bếp
Crunchy [a]	/'krʌntʃi/	giòn
Grill [v]	/grɪl/	nướng
Taste [v]	/teɪst/	có vị
Tasty [a]	/'teɪsti/	ngon
Worm [n]	/wɜːrm/	con sâu